Địa chỉ: Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, TP. Tân An, tỉnh Long An

Số điện thoại: 0723. 826 127 – 0723. 552 580

Số fax: (072) 3 838 900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

MỤC LỤC

Thông tin chung 1

Tình hình hoạt động trong năm 13

Báo cáo của Ban Giám đốc 37

49 Báo cáo của Hội đồng quản trị

58 Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Thông tin khái quát

Tên Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN**
Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN
Tên Tiếng Anh:	TAN AN PUBLIC SERVICES JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu:	TAP
Vốn điều lệ:	14.167.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu:	20.771.159.953 đồng
Trụ sở chính:	Số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Long An
Điện thoại:	0723. 826 127 – 0723. 552 580
Fax:	0723. 838 900
Email:	congtrinhdothitanan@yahoo.com.vn
Website:	www.tapuco.com
Giấy CNĐKKD số:	1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 03/11/2009, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 23/11/2015.

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân	Công ty cổ phần Đô thị Tân An tiền thân là Công ty Công trình Đô Thị Tân An.
27/11/2006	Công ty Công trình Đô Thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Đô Thị Tân An theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An và hoạt động với số vốn điều lệ là 14.167.000.000 đồng (Mười bốn tỷ một trăm sáu bảy triệu đồng).
23/02/2009	Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Đô Thị Tân An được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đô Thị Tân An theo Quyết định số 513/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Công trình Đô thị Tân An thành Công ty cổ phần
03/11/2009	Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 08 năm 2010; thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2013; thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 3 năm 2015 với số vốn điều lệ không đổi 14.167.000.000 đồng (Mười bốn tỷ một trăm sáu bảy triệu đồng).
10/12/2015	Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng (thông qua văn bản số số 7660/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước).Tính đến năm 2015, Công ty đã đầu tư mua sắm 03 xe ép rác, 01 xe tải ben, mở cửa hàng kinh doanh hoa kiểng, xây dựng vườn ươm cây, nhà hội trường, sửa chữa nhà để xe. Ngoài các hạng mục trên Công ty còn đầu tư mua sắm các thiết bị văn phòng, xe rác đẩy tay, … và trang trí đường phố phục vụ các sự kiện quan trọng và các ngày lễ tết.
26/10/2016	Công ty thành lập Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Công ty Cổ phần Đô thị Tân An.

Các giải thưởng tiêu biểu

Từ năm 2009 đến 2014 là nhiệm kỳ đầu tiên Công ty chuyển sang mô hình cổ phần hóa nên không tránh khỏi một số khó khăn, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt các chủ trương của Đại hội cổ đông thường niên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, hàng năm đều có kiểm tra thuế, kiểm toán, đánh giá tình hình tài chính lành mạnh. Kết quả Công ty đã đạt được những thành tích như sau:

2013

Công ty nhận bằng khen của UBND tỉnh Long An hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

2014

Năm 2014, Công ty được vinh dự đón nhận:

- Bằng khen Hội Cấp thoát nước Việt Nam
- Bằng khen của Hiệp Hội Môi trường đô thị và Khu Công nghiệp VN
- Cờ thi đua Doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc của UBND tỉnh Long An

2015

Công ty được trao bằng khen của BCHTW Hội Chiếu sáng Việt Nam

2016

Ngày 26/10/2016 Công ty chính thức thành lập Cửa hàng kinh doanh xăng dầu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hoạt động dịch vụ

Thực hiện công tác quét dọn vệ sinh công cộng, thu gom vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt ….

Quản lý hệ thống thoát nước đô thị, nghĩa địa.

Quản lý và thi công xây dựng công viên - cây xanh.

Quản lý và thi công hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.

Xây lắp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Kinh doanh hoa kiểng và cây xanh các loại.

Chăm sóc cây cảnh, sân vườn.

Sửa chữa xe chuyên dùng

Kinh doanh xăng dầu.

Thi công công trình

Thi công xây lắp

Trồng cây xanh, cỏ công viên và đường phố.

Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.

Hệ thống thoát nước đô thị.

San lắp dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Địa bàn kinh doanh:

Thành phố Tân An và các huyện lân cận trực thuộc tỉnh Long An

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

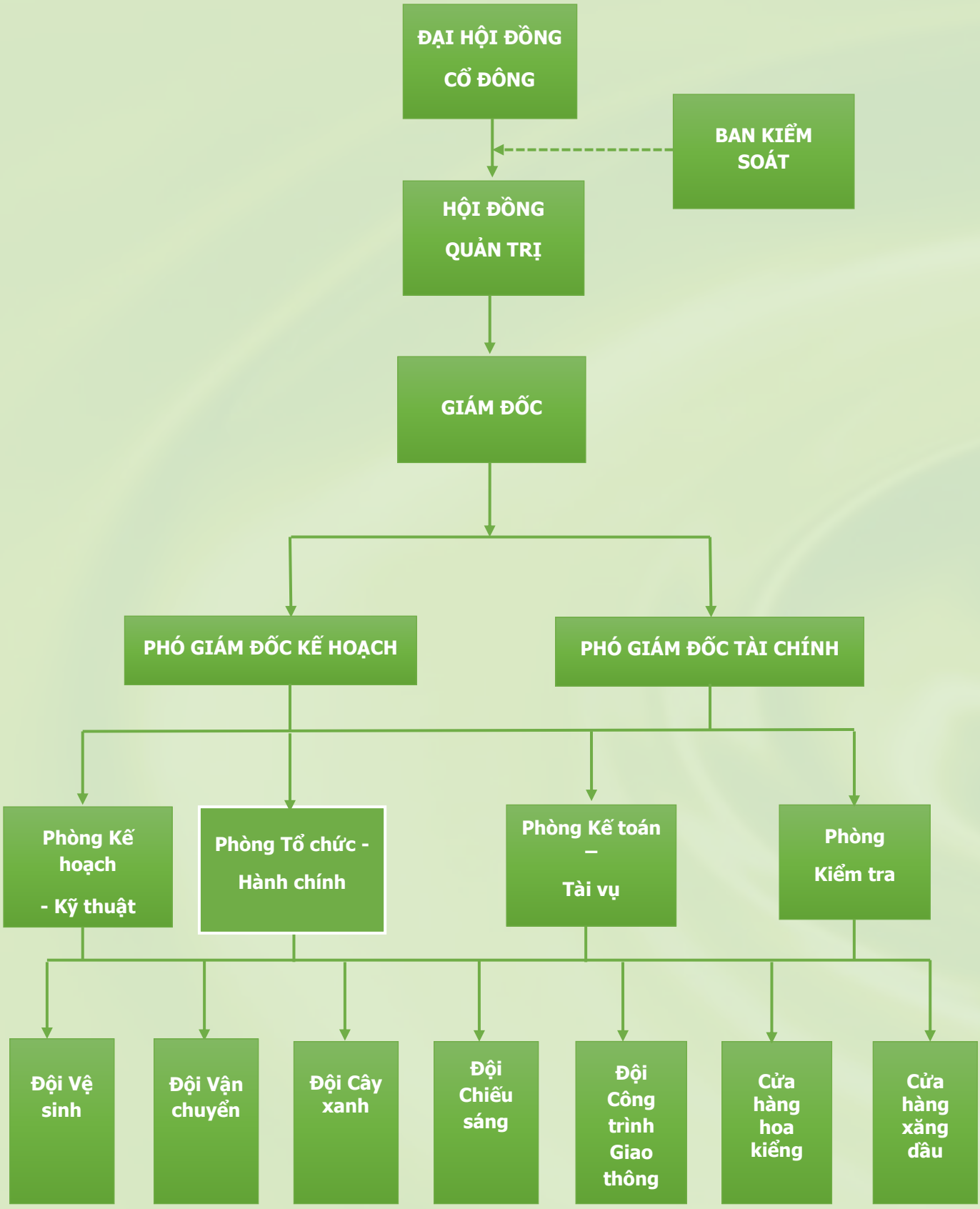

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, các phòng ban được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế, nội quy khác của Công ty cụ thể như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:
  Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  Báo cáo của Ban kiểm soát;
  Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
  Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  Bầu, bãi, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;
  Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện tại có năm (05) người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là năm (05) năm phù hợp với quy định Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có các quyền hạn sau:
  Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
  Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
  Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Vai trò của Ban kiểm soát là đảm bảo báo cáo quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hiện tại có ba (03) người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là năm (05) năm, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:
  Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
  Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

Cơ cấu bộ máy quản lý bao gồm:

- **Giám đốc**: do UBND tỉnh bổ nhiệm, là người có quyền hành cao nhất, phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, quyết định chiến lược sản xuất, kinh doanh .
- **Phó Giám đốc**: Các Phó Giám Đốc có nhiệm vụ giúp Giám Đốc điều hành một số nhiệm của Công ty theo sự phân công hoặc ủy nhiệm thực hiện của Giám Đốc và chịu trách nhiệm trước Giám Đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám Đốc phân công. Một Phó giám đốc phụ trách về kế hoạch, chịu trách nhiệm trước giám đốc về định hướng kinh doanh của Công ty. Một phó giám đốc phụ trách tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo quản lý về mặt tài chính kế toán trong đơn vị.
- **Phòng Tổ chức hành chánh:** Có nhiệm vụ giúp cho Ban Giám Đốc Công ty trong việc tuyển dụng, sắp xếp tổ chức bộ máy trong Công ty. Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến CB.CNV theo quy định của Nhà Nước, soạn thảo văn bản, lưu trữ, quyết định, tiếp nhận xử lý công văn tham mưu cho Giám Đốc Công ty.
- **Phòng Kế toán Tài vụ:** Tham mưu giúp Ban Giám Đốc thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, là cơ quan quản lý về mặt tài chính kế toán trong đơn vị.
- **Phòng kế hoạch - kỹ thuật:** Tham mưu, giúp cho Giám Đốc Công ty về định hướng kế hoạch kinh doanh, theo dõi hàng hóa, thông tin giá cả thị trường. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

  Lập các hợp đồng kinh tế nội ngoại thương. Lập kế hoạch thu mua, sản xuất, cung ứng hàng hóa, theo dõi kho, vận chuyển, thống kê, tổng hợp, theo dõi số liệu báo cáo lại cho Ban Giám Đốc.
- Phòng kiểm tra kỹ thuật: Kiểm tra các phòng, các đội các về việc thực hiện nội quy, quy chế của đơn vị .
- **Các đội:** trực tiếp điều hành hoạt động của công nhân, chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc trên lĩnh vực được phân công.

- ***Công ty con, Công ty liên kết***: Không có

Định hướng phát triển

Duy trì thực hiện tốt các khối lượng dịch vụ công ích do thành phố đặt hàng, khai thác các ngành nghề kinh doanh khác của Công ty để tăng doanh thu. Đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo về tài chính, tăng cường công tác thu hồi vốn, thanh quyết toán các công trình đã thực hiện, thanh lý những tài sản không có nhu cầu sử dụng tiết kiệm các khoản mục chi phí; phát triển cửa hàng kinh doanh hoa kiểng, tăng nhanh tiến độ xây dựng cửa hàng xăng dầu- Tiếp tục sắp xếp lao động ở các bộ phận phù hợp với mô hình tổ chức mới, nâng cao năng lực điều hành, quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực để đáp ứng các nhu cầu hiện nay của doanh nghiệp.

- **Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty**

Trước dự báo khó khăn của những năm tới, mục tiêu chủ yếu của Công ty là giữ vững thị trường hoạt động, ổn định mức thu nhập của người lao động và cổ tức đạt được hàng năm.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Tăng cường mở rộng địa bàn hoạt động, phát triển các dự án, tăng doanh thu, tăng thu nhập chủa người lao động và lợi nhuận của Công ty.

- **Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

So các đơn vị bạn thực hiện các mảng dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Long An, Công ty có vị thế cao hơn, tuy nhiên Công ty vẫn có những khó khăn hạn chế nhất định.

- **Triển vọng phát triển trong ngành**

Lộ trình đến năm 2017 Nhà nước áp dụng chính sách đấu thầu rộng rãi, với cơ chế hiện tại, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với các Công ty tư nhân. Doanh thu giảm xuống, các khoản chi phí tăng cao, chủ yếu bảo hiểm phải nộp cho người lao động, Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển ngành nghề.

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Do ngân sách thành phố Tân An gặp nhiều khó khăn về vốn, thanh toán cho Công ty không kịp thời, Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì nhiệm vụ thành phố giao với mục tiêu giữ vững sự xanh sạch đẹp trên địa bàn thành phố Tân An trong những năm tới.

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%, thấp hơn 0,47% so với năm 2015. Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 2,66% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số lạm phát tăng 1.83% so với năm 2015. Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam không có nhiều sự cải thiện, nhưng có những tín hiệu khả quan trong năm 2016, giải quyết căn bản tình trạng bất ổn của nền kinh tế với lạm phát cao và bong bóng tín dụng. Đây được xem là nền tảng quan trọng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước hoạch nói chung và Công ty cổ phần Đô thị Tân An nói riêng hoạch định mục tiêu và chiến lược phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường tính cạnh tranh cho từng doanh nghiệp. Sự phát triển của ngành dịch vụ công ích gắn liền với tình hình phát triển kinh tế và các chính sách quản lý của Nhà nước, tăng chi tiêu, kích thích cầu sẽ thúc đẩy ngành dịch vụ an sinh xã hội tăng trưởng, nâng cao đời sống người dân. Hoạt động trong ngành dịch vụ công ích, an sinh xã hội, Công ty cổ phần Đô thị Tân An chịu ảnh hưởng rất lớn từ trình độ công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, cũng như tình hình tăng trưởng bất động sản, giá cả dịch vụ công, chi phí nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, trong những năm qua, thực hiện chủ trương tái cấu trúc đầu tư công, tỷ trọng chi đầu tư công ở Việt Nam đang có xu hướng giảm dần theo sự dịch chuyển trong cơ cấu đầu tư công giữa Trung ương và địa phương. Theo Bộ kế hoạch và đầu tư, để tăng cường tính công khai, minh bạch và phòng, chống tham nhũng trong đấu thầu đã áp dụng chính sách đấu thầu rộng rãi, góp phần khắc phục được những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp. Vì vậy, do đặc thù của Công ty quản lý các mảng dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Tân An, tỉnh Long An và cơ chế hiện tại, Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với các Công ty tư nhân khác.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động của Công ty cổ phần Đô thị Tân An chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật môi trường và các văn bản luật liên quan. Hệ thống pháp luật của Việt Nam rất đa dạng về thể loại văn bản và khổng lồ về số lượng văn bản quy phạm pháp luật. Hơn nữa, do có quá nhiều loại văn bản được nhiều cấp ban hành, nhưng lại thiếu cơ chế cân nhắc toàn diện các lĩnh vực khác nhau, nên mâu thuẫn và chồng chéo là điều khó tránh khỏi. Bên cạnh đó, pháp luật thường xuyên bị thay cùng với sự thay đổi các chính sách của Quốc hội qua từng năm dẫn đến những khó khăn đáng kể trong việc thực hiện và tác động xấu đến sự ổn định của các quan hệ xã hội, nhất là đối với các quan hệ kinh tế, vì vậy ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2015, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi Công ty phải luôn cập nhật, chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của Công ty để không vi phạm các quy định mới được sửa đổi và bổ sung.

Rủi ro đặc thù của ngành

Công ty cổ phần Đô thị Tân An là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, chịu sự ảnh hưởng và chi phối của chính sách tài khóa và ngân sách của Nhà nước. Vì thế, với những quy định về mức lệ phí công cộng cố định do Nhà nước ban hành, doanh nghiệp không có khả năng chủ động về giá thành dịch vụ của mình. Trong khi đó, giá thành cho chi phí sửa chữa, tu bổ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường, và các chi phí khác đáp ứng cho khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty là những yếu tố thường xuyên thay đổi. Đây được xem là một thách thức, khó khăn đặc trưng của các Công ty hoạt động trong ngành công ích, an sinh xã hội. Điều này đòi hỏi Công ty phải hoạch định rõ mục tiêu và chiến lược trong ngắn hạn và dài hạn, cũng như là các chính sách về nguồn cung nhằm quản lý chi phí đầu vào một cách hiệu quả nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế cho Cổ đông và Công ty.

Hơn nữa, hoạt động kinh doanh chính yếu của Công ty là cung ứng dịch vụ vệ sinh cho cơ quan, đơn vị, cộng đồng và khu dân cư, thu gom và xử lý rác thải, sửa chữa hệ thống công trình vệ sinh và thoát nước công cộng, nên chịu ảnh hưởng nhiều từ thời tiết, đặc biệt là vào mùa mưa, khả năng bị ngập lụt cao gây khó khăn cho hoạt động vệ sinh, cũng như là tiến độ làm việc của Công ty. Ngoài ra, trong quá trình xử lý rác thải, cải tạo môi trường cần đến nhiều đội ngũ lao động, điều này sẽ không tránh khỏi việc người lao động phải tiếp xúc với các chất thải độc hại, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động. Vì vậy đòi hỏi Công ty phải luôn đầu tư vào trang thiết bị, trang bị cho người lao động những công cụ đảm bảo sức khỏe, nhằm duy trì sự phát triển bền vững cho xã hội.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Năm 2016/ Năm 2015
1	Dịch vụ công ích	29.914	29.167	97,50%
2	Thi công công trình	5.110	3.597	70,39%
3	Sửa chữa thường xuyên cầu đường	2.495	4.312	172,82%
4	Kinh doanh xăng dầu	-	2.887	-
5	Khác (*)	6.289	2.680	42,61%
Tổng cộng		**43.808**	**42.642**	**97,34%**

(*) Doanh thu khác là doanh thu phát sinh khi thực hiện các công việc thuộc phạm vi hoạt động của Công ty như: Hút hầm cầu; bán hoa kiểng, dụng cụ làm vườn; cho thuê mặt bằng tổ chức hội hoa xuân vào cuối năm; cho thuê xe chuyên dùng phục vụ hoạt động dịch vụ công ích; vận chuyển rác các cơ quan, doanh nghiệp; dịch vụ chăm sóc hoa kiểng, sân vườn; nạo vét bùn hố ga… được thực hiện thông qua việc ký kết hợp đồng với các Doanh nghiệp và người dân trong địa bàn thành phố

Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Năm 2016/ Năm 2015
1	Dịch vụ công ích – Sửa chữa thường xuyên cầu đường	8.961	8.743	97,57%
2	Thi công công trình	(6)	939	-
4	Kinh doanh xăng dầu	-	120	-
5	Khác	552	700	-
Tổng cộng		**9.507**	**10.502**	**110,47%**

Cơ cấu doanh thu năm 2015

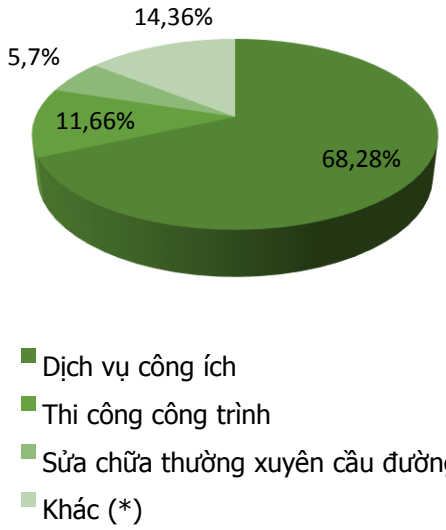

Cơ cấu doanh thu năm 2016

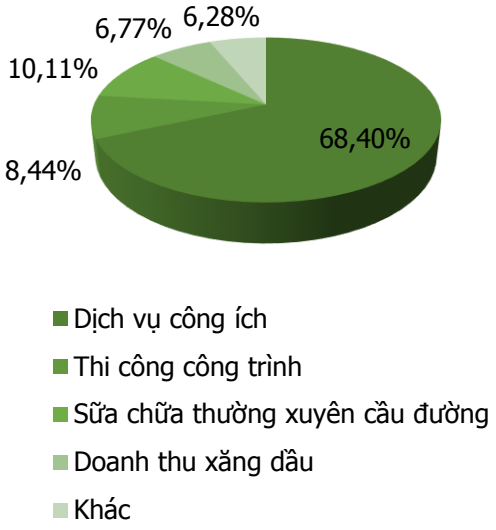

Có thể thấy, đóng góp chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty cổ phần Đô thị Tân An trong năm 2015 và năm 2016 là Dịch vụ công ích lần lượt đạt 29,91 tỷ đồng và 29,17 tỷ đồng, chiếm 68,28% và 68,40% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu. Tuy nhiên, doanh thu từ Dịch vụ công ích năm 2016 đã giảm 10,00% so với năm 2015. Nhìn chung, với tình hình ngân sách thành phố Tân An còn khó khăn, việc quản lý chi phí, cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận vẫn là một thách thức lớn về mặt triển khai thêm các công trình, dự án lớn để phân bổ cho các Công ty trong địa bàn như Công ty cổ phần Đô thị Tân An khiến cho doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích vẫn chưa tăng mạnh mặc dù triển vọng ở ngành dịch vụ này là khá tốt.

Doanh thu từ thi công công trình đạt 3,59 tỷ đồng giảm 29,61% so với năm 2015. Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác cũng thay đổi khá lớn, đạt 2,68 tỷ đồng, giảm đến 57,39% so với năm 2015. Doanh thu từ các hoạt động hầu như sụt giảm do Công ty phải điều chỉnh giá bán theo quy định của các cơ quan ban ngành, đồng thời quản lý chặt chẽ chi phí đầu vào cho phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh. Riêng doanh thu sửa chữa thường xuyên cầu đường năm 2016 đạt mức 4,31 tỷ đồng, tăng 72,83% so với năm 2015. Doanh thu tăng cao từ hoạt động sửa chữa thường xuyên cầu đường là do giá bán được điều chỉnh theo quy định của cơ quan ban ngành cùng với nhu cầu sửa chữa cầu đường được thực hiện đều đặn nhằm mục đích đảm bảo an toàn giao thông đồng thời góp phần cho giao thông được thông suốt, tạo cơ hội và điều kiện cho Công ty phát triển tốt hoạt động này.

Ngày 26/10/2016, Công ty chính thức công bố thành lập cửa hàng kinh doanh xăng dầu. Hoạt động này đã đóng góp vào doanh thu là 2,887 tỷ đồng. Tuy mới triển khai hoạt động trong lĩnh vực này, nhưng Công ty vẫn đạt được mức doanh thu khá tốt, thể hiện khả năng phát triển vượt trội trong hoạt động kinh doanh mới, cung cấp các sản phẩm đa dạng hơn cho thành phố Tân An.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Ghi chú
1	Ông Lương Minh Nhựt	Chủ tịch HĐQT	1971	TV không điều hành
2	Nguyễn Thị Hồng Vy	Thành viên HĐQT	1965	TV điều hành
3	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Thành viên HĐQT	1964	TV điều hành
4	Nguyễn Minh Nhựt	Thành viên HĐQT	1977	TV điều hành
5	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	1955	TV không điều hành

Ông Lương Minh Nhựt - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Lương Minh Nhựt

Ngày, tháng, năm sinh: 1971

Giới tính: Nam

Số CMND: 300646688 – Cấp ngày 25/8/2006. CA Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Ấp 3, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An
Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072 3552580

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại thương

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2000 -06/2006	Công ty Công trình Đô thị Tân An	Cán bộ phòng kế hoạch
07/2006 – 9/2006	Công ty Công trình Đô thị Tân An	Phó Giám đốc
10/2006 – 10/2009	Công ty TNHH MTV CT Đô thị Tân An	Phó Giám đốc
11/2009 - 9/2010	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Phó Giám đốc
10/2010 – 10/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phần nắm giữ: 603.830 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 37.150 cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 566.680.cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Bà Nguyễn Thị Hồng Vy - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Vy

Ngày, tháng, năm sinh: 29/12/1965

Giới tính: Nữ

Số CMND: 300453288 – Ngày cấp 19/05/2005 – CA Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Nhựt Thành, Huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Địa chỉ thường trú: 203, Huỳnh Văn Đãnh, P 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0723838700

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1984 – 9/1989	Phòng Tài chính Thị xã Tân An – Long An	Kế toán
10/1989 – 12/1989	Văn phòng UBND thị xã Tân An – Long An	Kế toán
01/1990 – 9/2004	Công ty Công trình Đô thị Tân An – Thị xã Tân An – tỉnh Long An	Kế toán
10/2004 – 9/2006	Công ty Công trình Đô thị Tân An – Thị xã Tân An – tỉnh Long An	Kế toán trưởng
10/2006 -10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An – Thị xã Tân An – tỉnh Long An	Phó giám đốc
11/2009 – 10/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An – Thành phố Tân An – tỉnh Long An	Phó giám đốc
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An – Thành phố Tân An – tỉnh Long An	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 321.290 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 37.950 cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 283.340 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: 9.000 cổ phần (0,64%)

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Trúc

Ngày, tháng, năm sinh: 28/11/1964

Giới tính: Nữ

Số CMND: 300388807

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Phước lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: 279, Khu III, xã Phước lợi, huyện bến Lức, tỉnh Long An

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0723838700

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1988 – 11/1990	Công ty Dịch vụ Cơ khí Nông nghiệp Mộc Hóa, tỉnh Long An	Kế toán
12/1990 – 08/1993	Xí nghiệp Cơ khí Thủy nông huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An	Kế toán
09/1993 – 01/1995	Trạm Quản lý Thủy nộng huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An	Kế toán
02/1995 -11/2002	Ban Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Nguyễn Văn Tiếp – Bắc Đông, Thị xã Tân an, tỉnh Long An	Kế toán
12/2002 – 9/2006	Công ty Công trình Đô thị Tân An – Thị xã Tân An – tỉnh Long An	Kế toán
10/2006 – 10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An – Thị xã Tân An – tỉnh Long An	Kế toán trưởng
11/2009 – 10/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An – Thành phố Tân An – tỉnh Long An	Kế toán trưởng
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An – Thành phố Tân An – tỉnh Long An	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Ông Nguyễn Minh Nhựt - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Minh Nhựt

Ngày, tháng, năm sinh: 04/8/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300917763

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Bình Quới, huyện Châu Thành, Tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: 108/2, ấp Bình Cang, xã Bình Quới, huyện Châu Thành, Tỉnh Long An

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0723838700

Trình độ văn hoá: 12/12

rình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm kỹ thuật

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2005 -5/2006	Sở Công nghiệp Tỉnh Long An	Cán bộ kỹ thuật
6/2006 – 9/2008	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Cán bộ kỹ thuật
10/2008 – 10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
11/2009 -12/2011	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Phó Phòng Kế hoạch kỹ thuật
01/2012 – 3/2014	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Trưởng Phòng Kế hoạch kỹ thuật
04/2014 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Đào Mạnh Hùng

Ngày, tháng, năm sinh: 10/11/1955

Giới tính: Nam

Số CMND: 001055003913 – Ngày cấp 18/12/2015

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 106 D5D, Khu biệt thự Vườn Đào, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903407620

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1973 - 1981	Phục vụ trong Quân đội Việt Nam	Trung đội trưởng
1982 -1996	Sở Thương Mại TP Hà Nội	Cán bộ doanh nghiệp QĐ
1996 đến nay	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	Tổng Giám đốc
11/2009 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần nắm giữ: 241.340 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa sở hữu: 241.340 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc	1965
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	1964
3	Ông Nguyễn Minh Nhựt	Phó Giám đốc	1977

Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Diệu Hồng

Ngày, tháng, năm sinh: 06/12/1962

Giới tính: Nữ

Số CMND: 300328435

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ - Long An

Địa chỉ thường trú: 72 Châu Thị Kim, phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072 - 3829775

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 1986 đến nay	Sở Tài chính Long An	Chuyên viên
Năm 2012 đến nay	CTCP Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Trưởng Ban kiểm soát

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Ông Lại Thanh Nhàn – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Lại Thanh Nhàn

Ngày, tháng, năm sinh: 10/10/1974

Giới tính: Nam

Số CMND: 300762255

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: Số L3, khu phố 4, phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0723827253

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Kế hoạch Kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 – 05/2001	Công ty Công trình Giao thông, tỉnh Long An	CB kỹ thuật
06/2001 – 07/2002	Công ty Công trình Giao thông, tỉnh Long An	Đội phó
8/2002 – 02/2009	Công ty Công trình Giao thông, tỉnh Long An	Đội trưởng
03/2009 – 10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Cán bộ Phòng KH-KT
11/2009 – 12/2014	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Cán bộ Phòng KH-KT
01/2015 -10/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Phó Phòng KH-KT
11/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Thành viên BKS, Trưởng Phòng KH-KT

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Ông Võ Phước Toàn – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Võ Phước Toàn

Ngày, tháng, năm sinh: 12/8/1978

Giới tính: Nam

Số CMND: 301047289

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Số 01, đường Trần Minh Châu, P 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: Số 01, Trần Minh Châu, P 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0723826127

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học (Đang học ĐH - Khoa Luật Doanh nghiệp)

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên BKS, Phó Phòng TCHC

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1997 -12/1997	Phòng Kinh tế, thị xã Tân An	Nhân viên
01/1998 -12/2002	Phòng Nông nghiệp – Phát triển Nông thôn thị xã Tân An, tỉnh Long An	Nhân viên
01/2003 – 10/2009	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Nhân viên
11/2009 -12/2015	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Nhân viên
01/2015 đến nay	Công ty cổ phần Đô thị Tân An, tỉnh Long An	Thành viên BKS, Phó Phòng TCHC

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Vy	Giám đốc	1965
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	1964
3	Ông Nguyễn Minh Nhựt	Phó Giám đốc	1977

Bà Nguyễn Thị Hồng Vy – Giám đốc

Xem Sơ yếu Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị mục 1 Phần II.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trúc – Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Xem Sơ yếu Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị mục 1 Phần II.

Ông Nguyễn Minh Nhựt – Phó Giám đốc

Xem Sơ yếu Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị mục 1 Phần II.

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGĐ trong năm 2016: Không có

Số lượng cán bộ công nhân viên

Tại thời điểm 31/12/2016

STT	Tính chất phân loại	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**187**	**100%**
1	Trình độ trên Đại học	01	0,53%
2	Trình độ Đại học, Cao đẳng	19	10,16%
3	Trình độ trung cấp	5	2,67%
4	Công nhân kỹ thuật	54	28,88%
5	Lao động phổ thông	108	57,75%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**187**	**100%**
1	Hợp đồng không thời hạn	177	94,65%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	01	0,53%
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	09	4,82%
C	**Theo giới tính**	**187**	**100%**
1	Nam	135	72%
2	Nữ	52	28%

Thu nhập bình quân người lao động:

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
6.500.000 đồng/tháng/người	7.000.000 đồng/tháng/người	7.800.000 đồng/tháng/người

Chính sách nhân sự

Công ty đã xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, nâng bậc lương và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của người lao động, hàng năm rà soát, điều chỉnh, phù hợp tình hình kết quả hoạt động của đơn vị.

Đầu năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng phương án tiền lương hưởng theo tỷ lệ doanh thu. Quỹ lương được xác định theo tỷ lệ này được thông qua và phê duyệt của Đại diện vốn sở hữu Nhà nước để làm cơ sở thanh toán trong năm. Cuối năm sau khi quyết toán tài chính được xác lập, cân đối khoản đã thực chi trong năm, dự phòng cho năm sau, tiếp tục thanh toán cho người lao động

Định kỳ hàng tháng các bộ phận đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, phân loại theo hình thức A,B,C làm cơ sở trả lương.

Cuối năm, căn cứ kết quả bình xét hàng tháng, đánh giá phân loại cả năm và xét khen thưởng theo quy chế khen thưởng đã được ban hành.

Định kỳ, hội đồng xét nâng bậc lương tiến hành bình xét và đề nghị nâng bậc lương cho người lao động đến thời hạn theo đúng quy định

Công ty đã trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ tình thương, quỹ khuyến học và được sử dụng chính đáng, minh bạch, tạo sự đồng thuận của người lao động, các quỹ này góp phần hỗ trợ người lao động vượt qua những khó khăn, tai nạn, ốm đau, bệnh tật, riêng quỹ khuyến học là nguồn kinh phí chủ yếu tổ chức lễ tuyên dương học sinh giỏi cho con người lao động, tạo động lực cho các cháu học tập tốt hơn.

Về nhân sự và chính sách đào tạo: Công ty thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, quy hoạch, đào tạo nhân sự theo đúng quy chế chuẩn mực đã ban hành. Những trường hợp đặc biệt, người lao động tuyển dụng theo yêu cầu thực tế nhưng chưa đạt chuẩn đã quy định, hội đồng xét tuyển dụng phải có biên bản thống nhất đề nghị HĐQT xem xét, phê duyệt. Trong năm 2016, do nhu cầu thực tế cần tiết giảm chi phí Công ty sắp xếp lao động hợp lý, những bộ phận có công nhân xin nghỉ việc, Công ty bố trí bộ phận khác bổ sung, hạn chế tuyển dụng thêm lao động. Đặc biệt chú trọng công tác kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng, các đội đảm bảo đủ năng lực quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyên và tham mưu tốt cho Ban Giám đốc. Trong năm tổ chức những lớp tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động, tạo điều kiện về thời gian cho các cán bộ thuộc bộ phận gián tiếp có điều kiện nâng cao trình độ về văn hóa, chuyên môn kỹ thuật.

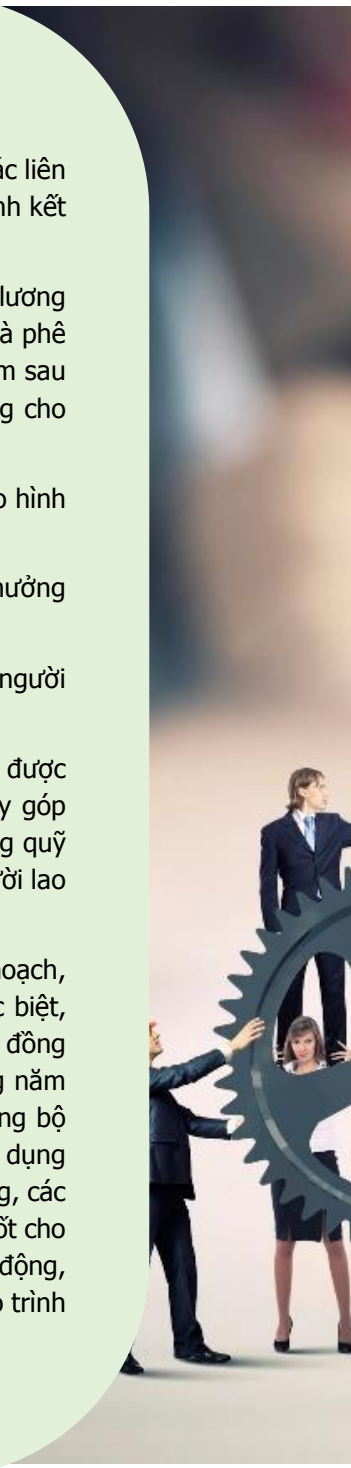

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án : Không có.

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% 2016/2015
1	Tổng giá trị tài sản	31.610	34.173	108,11%
2	Doanh thu thuần	43.808	42.642	97,34%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.813	4.801	125,90%
4	Lợi nhuận khác	(54)	(91)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	3.760	4.709	125,26%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.765	3.740	135,23%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	64,98%	65,00%	-
8	Tỷ lệ cổ tức	12,68%	17,16%	-
9	Cổ tức	1.797	2.431	135,28%

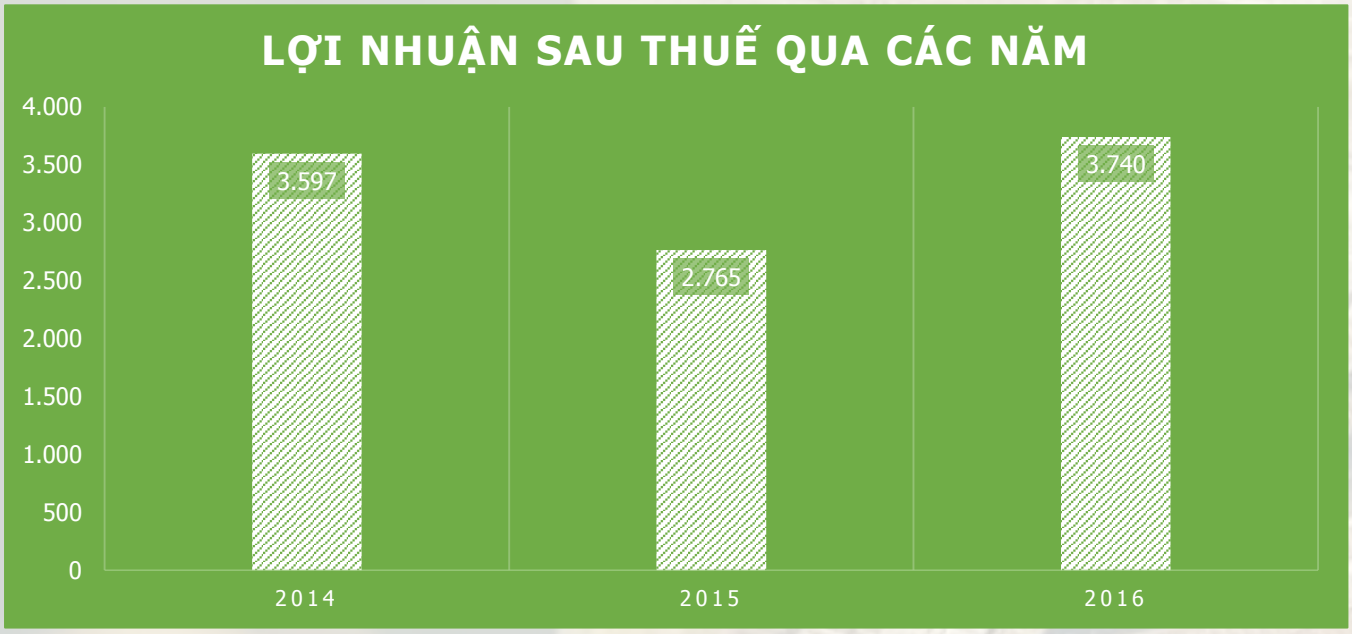

Đối với ngành dịch vụ công ích, an sinh xã hội vẫn có những bước phát triển ổn định và không thể thiếu trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn duy trì và tăng trưởng tương đối ổn định. Tuy doanh thu thuần của Công ty trong năm đạt mức 42,64 tỷ đồng, giảm 2,66% so với năm 2015, lợi nhuận sau thuế có mức tăng trưởng khá đều, năm 2016 là 3,74 tỷ đồng, tăng 35,23% so với năm 2015. Theo Bộ kế hoạch và đầu tư, để tăng cường tính công khai, minh bạch và phòng, chống tham nhũng trong đấu thầu đã áp dụng chính sách đấu thầu rộng rãi, góp phần khắc phục được những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp. Đây không chỉ được xem là động lực giúp Công ty không ngừng nỗ lực cung cấp dịch vụ, sản phẩm tốt nhất cho cộng đồng mà còn là thách thức đối với Công ty trong việc cạnh tranh với các Công ty tư nhân khác trong ngành.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,06	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,97	1,70
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,66	39,22
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	57,87	64,52
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	37,41	26,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,39	1,30
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,31	8,77
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,14	0,18
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,09	0,11
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,70	11,26

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.416.700 cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 1.416.700 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**152**	**1.416.700**	**14.167.000.000**	**100%**
1	Cổ đông cá nhân	149	305.340	3.053.400.000	21,55%
2	Cổ đông tổ chức	03	1.111.360	11.113.600.000	78,45%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
	Tổng cộng	**152**	**1.416.700**	**14.167.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2016

Danh sách cổ đông lớn

(tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà	241.340	17,04%
2	Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An	850.020	60,00%
Tổng cộng		**1.091.360**	**77,04%**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng, trong năm 2016, giá vốn hàng bán giảm so với năm trước do Công ty đã tiết kiệm chi phí về nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, lợi nhuận đạt cao hơn so với tỷ lệ doanh thu thực hiện trong năm.

Tiêu thụ năng lượng:

Hoạt động của Công ty không tác động lớn đến môi trường và xã hội, đối với việc tiêu thụ năng lương, Công ty làm tốt công tác quản lý hệ thống chiếu sáng của thành phố Tân An, nguồn điện tiêu thụ cung cấp đúng quy định, có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân đồng thời tiết kiệm cho ngân sách thành phố.

Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Công ty quản lý việc tưới tiêu cho mảng cây xanh của thành phố, hiện nay Công ty chưa có hệ thống tưới tiêu tự động, vẫn áp dụng biện pháp tưới bằng xe bồn, nguồn nước lấy từ sông Bảo Định thuộc đia phương và kết hợp một phần nguồn nước do Công ty cấp thoát nước Long An cung cấp. Công ty luôn tiết kiệm, sử dụng nguồn nước vừa đủ đảm bảo mảng xanh tươi mát cho mảng cây xanh thành phố đồng thời vẫn tiết kiệm kinh phí chăm sóc hằng năm.ả

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Những văn bản quy định chi tiết thi hành quy phạm pháp luật, đánh giá tác động môi trường rất nhiều, tuy nhiên trong phạm vi quản lý của đơn vị mình Công ty chỉ thực hiện những quy định về quản lý chất thải nguy hại, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý khí thải, quản lý nước thải, quản lý các chất thải đặc thù, quản lý sản phẩm thải bỏ.

Đối với rác thải của thành phố, Công ty có trách nhiệm thu gom và vận chuyển rác tập kết đến Nhà máy xử lý rác Tâm Sinh Nghĩa thuộc xã Tân Đông huyện Thạnh Hóa tỉnh Long An. Việc xử lý rác do Công ty Tâm Sinh Nghĩa phụ trách.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát hiện những trường hợp chất thải nguy hại, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường …. đều có những thông tsin báo cáo về cấp trên xử lý đúng quy định.

Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động:

Tiền lương: Mỗi năm căn cứ kế hoạch phân bổ tiền lương theo doanh thu đã được cơ quan đại diện vốn chủ sở hữu phê duyệt, Công ty tiến hành lập phương án tiền lương, thông qua các bộ phận trước khi Ban lãnh đạo phê duyệt làm cơ sở trả lương cho người lao động. Mức lương hàng năm vẫn ổn định

Tiền thưởng: Thực hiện theo quy chế tiền thưởng đã được ban hành về thưởng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Ban điều hành, tổ chức tham quan du lịch đã được sự đồng thuận của người lao động.

Ngoài các chế độ về tiền lương, thưởng Công ty vẫn thực hiện các chế độ theo quy định khác như: Nộp tiền bảo hiểm bắt buộc cho người lao động (22%), các chế độ về ốm đau, thai sản, tiền bảo hiểm con người khi có ốm đau tai nạn, tiền trợ cấp thôi việc, tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật, tiền hỗ trợ đám tang, hiếu hỷ…..

Ngoài ra Công ty lập quỹ tình thương, quỹ khuyến học, hằng năm tổ chức lễ tuyên dương học sinh giỏi là con em người lao động trong Công ty, với kinh phí khoảng 35 triệu/năm.

Trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:

Công ty có trách nhiệm cao với cộng đồng địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn vệ sinh môi trường, sự xanh sạch đẹp của thành phố, là đơn vị tài trợ cho các hoạt động về môi trường của địa phương, các hoạt động về nguồn. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn có các hoạt động phối hợp với Thành đoàn thành phố Tân An thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm cộng đồng của Công ty.
Riêng đối với các hoạt động về vệ sinh môi trường như trồng cây, thảm cỏ, vệ sinh, trang trí đèn chiếu sáng đường phố trong các dịp lễ tết, dù thành phố Tân An không thanh toán khối lượng nhưng Công ty vẫn thực hiện, góp phần giữ gìn cảnh quan đô thị và môi trường xanh sạch đẹp cho thành phố.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
1	Doanh thu thuần	43.808	42.642	(2,66%)
2	Giá vốn hàng bán	34.301	32.140	(6,30%)
3	Lợi nhuận gộp	9.507	10.503	(10,47%)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	363,47	280,45	(22,84%)
5	Chi phí tài chính	-	-	-
6	Chi phí bán hàng	13.920	54.495	291,48%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.043	5.928	(1,91%)
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.813	4.801	25,90%
9	Lợi nhuận khác	(53.527)	(91.451)	70,85%
10	Lợi nhuận trước thuế	3.760	4.709	25,26%
11	Thuế TNDN	994,34	969,64	(2,48%)
12	Lợi nhuận sau thuế	2.765	3.740	35,23%
13	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.659	2.244	35,26%

Nhìn chung, tuy doanh thu thuần của Công ty trong năm 2016 đạt mức 42.642 triệu đồng, giảm 2,66% so với năm 2015, lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt mức 3.740 triệu đồng, tăng 35,23% so với năm 2015. Đạt được kết quả này là do giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và thuế TNDN giảm nhẹ trong năm 2016, trong khi đó điểm đáng chú ý là sự tăng đáng kể của chi phí bán hàng, tăng đến mức 291,48% so với năm 2015. Dù vậy, Công ty vẫn đạt được mức lợi nhuận tăng trưởng khá tốt trong năm 2016.

Trong năm 2016, Công ty đã kinh doanh thêm hoạt động sửa chữa thường xuyên cầu đường và xăng dầu, đạt được mức doanh thu khá tốt. Đóng góp lớn nhất trong cơ cấu doanh thu vẫn là dịch vụ công ích, chiếm đến 68,40% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, đây cũng là sản phẩm chính của Công ty. Song việc giảm doanh thu dịch vụ công ích đồng thời doanh thu trong hoạt động thi công công trình cũng giảm cho thấy biểu hiện phân bổ nguồn lực có sự thay đổi, tập trung phát triển hoạt động kinh doanh mới, cung cấp các sản phẩm đa dạng hơn cho thành phố Tân An.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu đến từ tiền lãi ngân hàng, đạt mức 280,45 triệu đồng, giảm 22,84% so với năm 2015.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 6,04 tỷ đồng năm 2015 xuống còn 5,93 tỷ đồng năm 2016, giảm 1,91%. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí cho nhân viên quản lý, đạt 3.723 triệu đồng, giảm 11,29% so với năm 2015.

Nói tóm lại, để đạt được kết quả khả quan như vậy, Công ty đã nỗ lực trong việc quản lý chi phí đầu vào một cách hiệu quả, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ cho khách hàng ngày càng tốt hơn. Trong năm 2017, Công ty còn phải đối mặt với những vấn đề khó khăn, bất định, vì vậy công tác tăng cường quản lý, thực hiện các biện pháp khắc phục tối ưu, mang đến những giá trị bền vững cho môi trường, nhân viên và cộng đồng là mục tiêu hàng đầu của Công ty cổ phần Đô thị Tân An.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh năm 2016

Năm 2015 thị trường việc làm tiếp tục có những khó khăn mới, khối lượng dịch vụ công ích tăng, đơn giá giao cho Công ty thực hiện bình quân giảm khoảng 47% so với định mức cho phép do Nguồn kinh phí Ngân sách thành phố Tân An hạn chế dẫn đến doanh thu giảm.

Một số công trình xây dựng cơ bản Công ty thực hiện được nghiệm thu quyết toán nhưng chưa được thanh toán do việc ghi vốn của Ngân sách Nhà nước chậm.

Các Công trình kế thừa của năm trước cho năm sau rất ít.

Việc thu hồi vốn các công trình cũ rất khó khăn do các đơn vị đóng góp đầu tư vốn theo chủ trương của UBND tỉnh không nghiêm túc ký kết hợp đồng và chấp nhận thanh toán

Việc kinh doanh mở rộng thêm ngành nghề để tạo công ăn việc làm, nhằm giảm chi phí kinh doanh còn chậm so với tiến độ Nghị quyết đề ra.

Mức độ cạnh tranh trong ngành nghề càng quyết liệt hơn.

Tâm lý người lao động chưa ổn định khi đứng trước những khó khăn, thách thức dẫn đến chất lượng năng suất làm việc giảm.

Nhân lực phục vụ bộ phận trực tiếp không đáp ứng được yêu cầu, do Công ty cần lao động phổ thông, nhưng những đối tượng này không đủ chuẩn theo quy chế của Công ty.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Tài sản ngắn hạn	23.862	24.225	101,52%	75,49%	70,89%
Tài sản dài hạn	7.747	9.948	128,40%	24,51%	29,11%
Tổng tài sản	**31.609**	**34.173**	**108,11%**	**100%**	**100%**

Cơ cấu tài sản

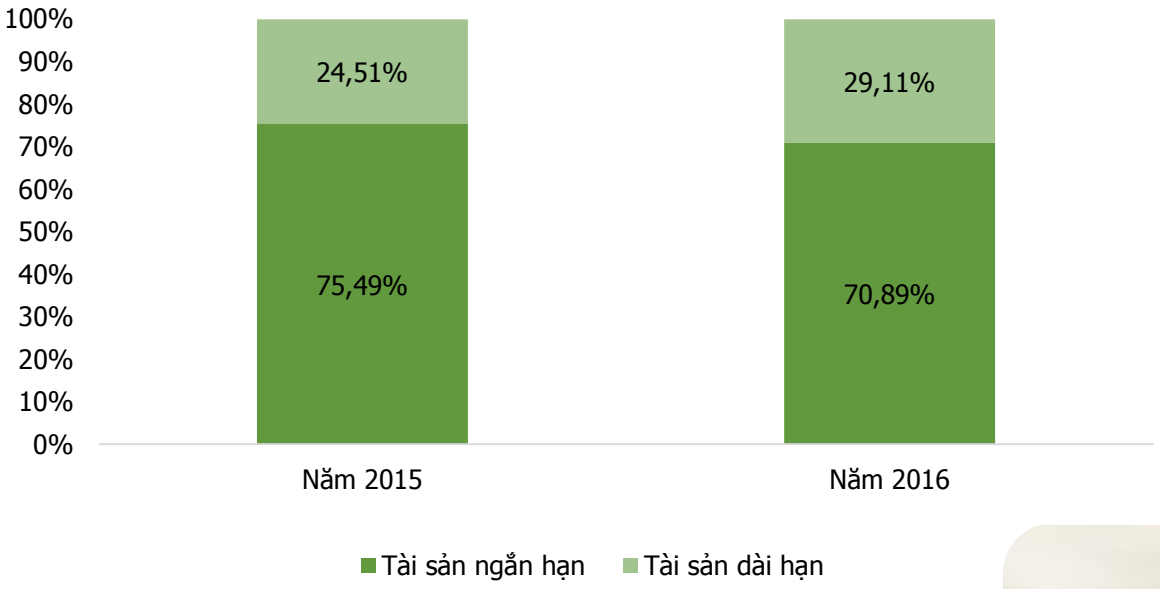

Tài sản năm 2016 của Công ty đạt giá trị hơn 34 tỷ đồng tăng 8,11% so với năm 2015. Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn luôn chiếm hơn 70% trong cơ cấu tài sản của Công ty. Do tính chất ngành nghề công việc của Công ty là dịch vụ công ích nên phần nhiều tài sản đến từ tài sản ngắn hạn cho các hoạt động thường xuyên. Các tài sản cố định giá trị lớn đã đầu tư lâu nên đã khấu hao gần hết.

Tài sản ngắn hạn năm 2016 hơn 24 tỷ đồng đạt 101,52% so với cùng kỳ năm 2015. Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn là khoản phải thu khách hàng, khoản mục này lớn là do các dịch vụ công ích được công cấp cho khách hàng đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi công nợ với chính sách bán hàng trả chậm của Công ty, một phần đến từ khó khăn việc đến từ chậm thu tiền các công trình đã nghiệm thu quyết toán nhưng ngân sách Nhà nước chi trả còn chậm. Các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn ngắn vẫn được Công ty duy trì vì hoạt động kinh doanh đòi hỏi một lượng lớn thanh khoản chi thường xuyên như mua sắm công cụ, dụng cụ vệ sinh, trang phục, thiết bị bảo hộ lao động, vật liệu xây dựng,…

Tài sản dài hạn chiếm phần nhỏ khoảng hơn 24%-29% trong cơ cấu tài sản. Tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định hữu hình của Công ty, chi tiết như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.838.692.988	2.451.836.928	86,37%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	15.627.404.954	7.314.709.330	46,81%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	32.770.201	9.420.068	28,75%
Cộng	**18.498.868.143**	**9.775.966.326**	**52,85%**

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Nợ ngắn hạn	11.587	13.402	115,67%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	**11.587**	**13.402**	**115,67%**	**100%**	**100%**

Nợ ngắn hạn chiếm 100% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty trong năm 2016. Tổng nợ phải trả trong năm 2016 là 13 tỷ đồng, tăng 15,66%. Các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu là khoản phải trả nhà cung cấp, phải trả lương nhân viên và các khoản khác. Công ty không vay nợ để tài trợ cho các hoạt động này vì với quy mô nhỏ và thực hiện các hoạt động công ích chủ yếu trong địa bàn Tân An. Do đó, không phát sinh ra các khoản vay dài hạn và Công ty sử dụng vốn tự có để tài trợ cho các hoạt động thường xuyên.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý điều hành từ chuyên môn đến các bộ phận trực tiếp theo cơ chế kiêm nhiệm theo mô hình mới, cơ bản đã làm thay đổi nhận thức và hành động, vai trò trách nhiệm của cán bộ quản lý, điều hành, tạo sự đồng thuận cao, có ý thức trách nhiệm, chấp hành nghiêm nội quy lao động, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các công việc cụ thể tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Tập trung cao vào công tác thu hồi vốn, các khoản nợ lớn thuộc ngân sách thành phố chậm thanh toán và các khoản nợ dài hạn, nợ khó đòi của các doanh nghiệp tư nhân, Công ty Cổ phần nhỏ lẽ.
- Hoàn thiện các yêu cầu cơ bản đáp ứng hồ sơ năng lực trong hoạt động đấu thầu để chuẩn bị năm 2018 Ngân sách chủ trương xã hội hóa các mảng dich vụ công ích. Tuyển dụng thêm kỷ sư về điện, cơ khí và công nhân tay nghề bậc cao kịp thời phục vụ nhu cầu năng lực của Công ty
- Trong năm 2017 hoàn thiện dự án xây dựng xưởng cơ khí tại Khu vườn ươm của Công ty nhằm phục vụ tốt công tác sửa chữa xe chuyên dùng, giảm bớt chi phí thuê dịch vụ bên ngoài với giá thành cao.
- Chuẩn hóa đội ngũ nhân viên bán hàng thuộc Cửa hàng kinh doanh xăng dầu.
- Tiết kiệm các chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí quản lý.
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình làm việc công nhân, mở rộng phương án khoán khối lượng làm việc cho các bộ phận nhằm tăng năng suất và thu nhập của người lao động.
- Mở rộng địa bàn hoạt động ra các huyện lân cận.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Không ngừng nâng cao, đề xuất các kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp ở địa bàn thành phố Tân An, và các vùng lân cận

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty quan tâm đến mục tiêu cung cấp môi trường làm việc tốt để làm việc, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khoẻ, tinh thần và vật chất của nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với giá trị con người, thông qua việc giữ vững môi trường xanh, cung cấp dịch vụ chất lượng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh:

Công ty hoạt động sản xuất theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty:

- **Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Công ty đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Doanh thu đạt 42,922 tỷ/37,360 tỷ (114,89 %); lợi nhuận trước thuế đạt 4,709 tỷ/3,736 tỷ (126,05%); thuế TNDN 0,969 tỷ/0,747 tỷ (129,77%); lãi cổ tức 2,430 tỷ/1,942 tỷ (125,12%); thu nhập bình quân 7,4 triệu/7 triệu (105,71%) so với kế hoạch sản xuất năm 2016… Chi tiết cụ thể được trình bày trong báo cáo của Giám đốc Công ty.

- **Trích lập các quỹ:**

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trích quỹ và trình chủ sở hữu phê duyệt

Mức chia cổ tức/năm: 1.300 đồng/cổ phần (13%/ năm). Phần còn lại dự phòng cho năm 2017 là 589.142.380 đồng.

STT	Hạng mục	Tỷ lệ trích quỹ trên lợi nhuận sau thuế	Số tiền
01	Quỹ đầu tư phát triển	20 %	747.954.578
02	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	10 %	373.977.289
03	Quỹ Ban điều hành	05 %	186.988.645
04	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông	65 %	2.430.852.380

- **Tình hình tài chính và quyết toán tài chính**

Niên độ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An tính từ 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016 phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán (Có báo cáo riêng kèm theo).

Quỹ lương: 17.697.985.438 đồng

Lao động : 190 người

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 235.600.000 đồng. Việc chi trả thù lao cho Hội đồnquản trị, Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2016.

Những quyết định của Hội đồng quản trị được được triển khai thực hiện

Trong thời gian từ tháng 5/2016 đến tháng 3/2017, Hội đồng quản trị đã họp 14 phiên để xem xét quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định đúng theo trình tự thủ tục, được sự thống nhất cao của các thành viên và được lưu giữ đúng quy định. Những nội dung cơ bản mà Hội đồng quản trị đã quyết nghị nhằm chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông tập trung vào các lĩnh vực như sau:

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Thường xuyên nắm bắt thông tin và định hướng giải quyết những thách thức, khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc tăng cường nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý điều hành Công ty; chỉ đạo thực hiện các biện pháp triệt để thực hành tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và một số mặt công tác khác.

- Từng bước sắp xếp, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty.

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ; Quy chế đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên chức lao động; Quy định xếp loại thi đua ABC hàng tháng; quyết định bổ nhiệm cán bộ, …

- Quyết định phương án đầu tư Cửa hàng xăng dầu, chọn nhà tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra hồ sơ, tư vấn tổ chức đấu thầu …Chủ trương ký kết hợp đồng nhượng quyền thương mại đối với Công ty xăng dầu Long An.

- Công ty mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh: Triển khai xây dựng Cửa hàng xăng dầu đưa vào hoạt động từ ngày 29/10/2016 đạt doanh thu cao, có nhiều triển vọng mang lại hiệu quả tốt cho Công ty; tiếp tục phát triển dịch vụ chăm sóc hoa viên, cây kiểng cho các cơ quan và hộ gia đình; …

- Công ty mở rộng địa bàn hoạt động: Xây dựng công trình điện chiếu sáng công cộng đường 827 giai đoạn III; hợp đồng chăm sóc thảm cỏ, cây xanh dãy phân cách đường 827 thuộc huyện Châu Thành.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định của công ty đại chúng chuyển đến Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, việc công bố thông tin kịp thời, đầy đủ theo định kỳ và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán.

- Chủ trương đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu của Công ty. Chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần chứng khoán FPT về việc thực hiện báo cáo thường niên theo quy định với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Nhận xét chung

Năm 2016, trong điều kiện Công ty gặp nhiều khó khăn, thách thức, Hội đồng đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất của Công ty và đã có những chủ trương, những biện pháp phù hợp, linh hoạt, kịp thời giúp Công ty chủ động đối phó với những biến động của tình hình, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, việc làm thu nhập người lao động được bảo đảm, bảo toàn vốn, bảo đảm cổ tức cho cổ đông và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị tổ chức họp đều có sự tham gia, chứng kiến của thành viên Ban Kiểm soát Công ty, các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị đều được xem xét, quyết định đúng theo quy định. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng ban hành đều dựa vào sự thống nhất cao của các thành viên. Từng thành viên Hội đồng quản trị đã nổ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với sự phát triển của Công ty, thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan, chủ yếu là tình hình kinh tế xã hội chung, nên một số mục tiêu của Hội đồng quản trị có đề ra nhưng thực hiện còn hạn chế như: Việc mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên số lượng còn ít, quy mô nhỏ, có dịch vụ mang tính tạm thời ngắn hạn; thu nhập người lao động không tăng cao so với trước đây; chưa thực hiện nâng cấp sửa chữa trụ sở làm việc của Công ty; chưa triển khai được dự án "Xây dựng lò hoả táng ở xã Tân Đông, huyện Thạnh Hoá" theo lộ trình từng giai đoạn và đang chờ UBND Tỉnh đồng ý cho chủ trương đầu tư.

Nguyên nhân của những hạn chế trên do áp lực cạnh tranh của kinh tế thị trường; cơ chế chính sách của Nhà nước trong việc tham gia đấu thầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ; tình hình tài chính, nhân lực của Công ty còn một số hạn chế; công tác quản trị Công ty còn có những khó khăn nhất định.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm bảo đảm thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo nhiệm vụ, kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp với ý thức trách nhiệm cao. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng cổ đông, bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Ban Giám đốc có sự phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng. Các thành viên được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

Các thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tăng cường xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất, phối hợp tốt trong công tác lãnh đạo và quản lý, điều hành Công ty, được thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ngày càng có nhiều thách thức và khó khăn hơn do ngân sách chi cho dịch vụ công ích chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; cán bộ chưa được củng cố kiện toàn đầy đủ ở các bộ phận trực thuộc và trình độ, năng lực cán bộ còn một số hạn chế nhất định; trụ sở làm việc cần phải sửa chữa, nâng cấp để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới; chi phí hoạt động sản xuất ngày càng tăng lên, nhất là sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề và chuẩn bị hồ sơ năng lực để tham gia đấu thầu thực hiện các dịch vụ công ích đô thị … Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải tập trung trí tuệ, đề ra các biện pháp điều hành linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả hơn để hoàn thành tốt các nhiệm vu sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch
01	Tổng doanh thu	Đồng	57.500.000.000
02	Doanh thu công ích	Đồng	33.894.238.000
03	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.080.065.000
04	Thuế thu nhập DN	Đồng	1.016.013.000
05	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.064.052.000

*** Trích lập các quỹ:**

ĐVT: Đồng

STT	Hạng mục	Tỷ lệ trích quỹ trên lợi nhuận sau thuế	Số tiền
01	Quỹ Đầu tư phát triển	20 %	812.810.000
02	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	10 %	406.405.000
03	Quỹ Ban điều hành	05 %	203.202.000
04	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức cho cổ đông	65 %	2.641.635.000

Kế hoạch lao động: tổng số lao động sử dụng bình quân: 195 người.

Quỹ lương: 18.990.935.000 đồng. Thu nhập bình quân 7.810.000 đồng/người/tháng.

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 245.520.000 đồng.

Đầu tư mua sắm tài sản:

Trong năm 2017 dự kiến đầu tư:

Mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, lắp đặt camera giám sát… tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Mua vật tư, thiết bị: (xe đẩy tay bằng nhựa composite, thùng rác loại 204 lít và bộ vỏ ruột xe tải phục vụ công tác thường xuyên, máy công cụ phục vụ hoạt động của các đội…) tổng số tiền là 360.000.000 đồng.

Thành lập phân xưởng sửa chữa xe chuyên dùng ở Lợi Bình Nhơn (xây dựng nhà xưởng, điện kế 3 pha và mua sắm trang thiết bị…): 500.000.000 đồng.

Mở rộng vườn ươm cây, trang trí đường phố phục vụ lễ, Tết, các sự kiện chính trị… tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Sửa chữa, cải tạo lại nhà làm việc tại trụ sở chính của Công ty: tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2016 về dự án "Xây dựng lò hoả táng ở xã Tân Đông, huyện Thạnh Hoá" theo lộ trình từng giai đoạn khi được UBND Tỉnh đồng ý cho chủ trương đầu tư bằng hình thức Công ty đầu tư hoặc liên doanh với Công ty khác có năng lực về vốn, công nghệ xử lý.

Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc được quy định trong Điều lệ Công ty, nhất là phát huy và đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo đảm bảo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên được thông qua. Công ty hoạt động ổn định và từng bước phát triển, bảo đảm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng quản trị. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty, bảo đảm tài chính Công ty an toàn, hiệu quả. Kiểm tra và chỉ đạo chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính theo đúng Quy chế tài chính của Công ty và của Nhà nước. Tăng cường quản lý, điều hành hoạt động Cửa hàng xăng dầu theo biến động thị trường bảo đảm chặt chẽ, nhạy bén, hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Giám đốc, các Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, bảo đảm thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Lập hồ sơ năng lực của Công ty, hồ sơ quản lý chất lượng của Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực tài chính để tham gia đấu thầu có hiệu quả các dịch vụ công ích và xây dựng cơ bản có liên quan đến ngành nghề của Công ty.

Mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư ngành nghề mới, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầu tư các dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

Về nhân sự, lao động: nâng cao chất lượng lực lượng lao động, sắp xếp lao động hợp lý, những bộ phận có công nhân xin nghỉ việc, Công ty bố trí công nhân đội khác bổ sung, hạn chế tuyển thêm lao động; thực hiện quyết liệt các biện pháp nâng cao năng suất lao động, từng bước cải thiện thu nhập, đảm bảo đời sống người lao động được ổn định và tăng lên. Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo các phòng, các đội bảo đảm đủ năng lực quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tham mưu tốt cho Ban Giám đốc Công ty.

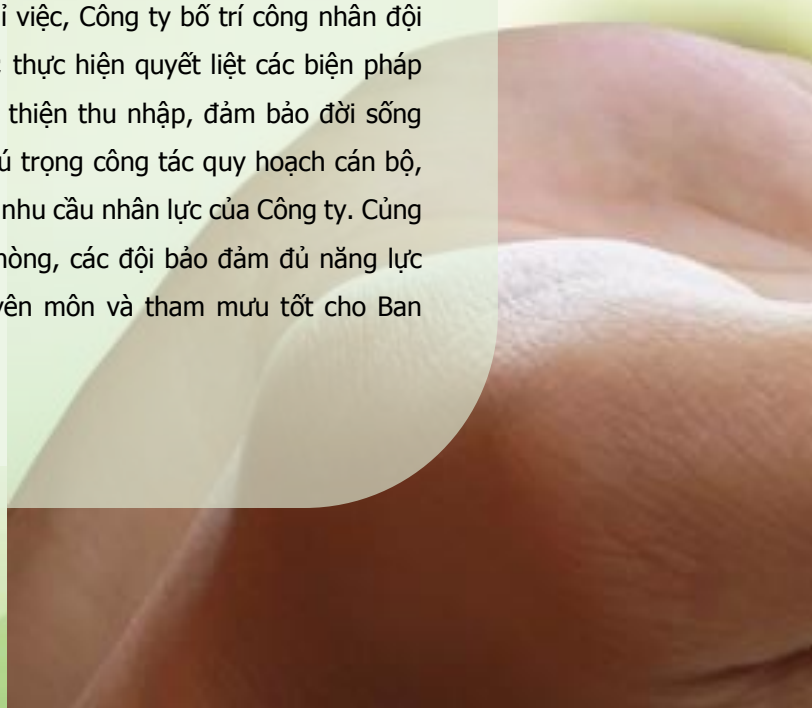

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

Số: **81/BCKT-2016**

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Tân An tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Giám đốc

M.S.D.N: 0304457750 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN SAO VIỆT - QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2013-107-1

Kiểm toán viên

PHẠM ĐÔNG SƠN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1052-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**24.225.263.372**	**23.862.448.678**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	V.1	**7.623.870.991**	**7.771.528.093**
1.	Tiền	111		3.049.011.869	2.771.528.093
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.574.859.122	5.000.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**15.113.543.535**	**15.001.439.450**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	15.277.514.577	14.567.381.118
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	61.615.100	457.158.332
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(225.586.142)	(23.100.000)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**1.447.152.641**	**1.014.000.135**
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	1.447.152.641	1.014.000.135
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**40.696.205**	**75.481.000**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	40.696.205	75.481.000
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**9.947.792.618**	**7.747.387.202**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**9.775.966.326**	**7.692.263.611**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	9.775.966.326	7.692.263.611
-	Nguyên giá	222		18.498.868.143	14.995.018.160
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.722.901.817)	(7.302.754.549)
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**55.123.591**
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	55.123.591
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**171.826.292**	**-**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	171.826.292	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**34.173.055.990**	**31.609.835.880**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**13.401.896.037**	**11.586.630.505**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**13.401.896.037**	**11.586.630.505**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	2.866.737.997	1.844.284.962
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	20.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	946.301.165	768.196.636
4.	Phải trả người lao động	314		3.609.825.142	3.390.516.130
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.9	500.727.384	532.636.482
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	5.018.163.955	4.426.120.050
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		460.140.394	604.876.245
D.	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**20.771.159.953**	**20.023.205.375**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	V.11	**20.771.159.953**	**20.023.205.375**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.167.000.000	14.167.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.167.000.000	14.167.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		6.604.159.953	5.856.205.375
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.157.047.459
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	(1.157.047.459)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**34.173.055.990**	**31.609.835.880**

TP. Tân An, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thanh Nhàn	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**42.642.325.337**	**43.808.263.180**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**42.642.325.337**	**43.808.263.180**
4. Giá vốn hàng bán	11		32.139.818.570	34.301.340.396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**10.502.506.767**	**9.506.922.784**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	280.452.810	363.465.851
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		54.494.517	13.919.997
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	5.927.596.515	6.043.174.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**4.800.868.545**	**3.813.293.906**
11. Thu nhập khác	31		-	63.228.534
12. Chi phí khác	32	VI.4	91.450.932	116.756.000
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(91.450.932)**	**(53.527.466)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**4.709.417.613**	**3.759.766.440**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	969.644.721	994.340.466
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**3.739.772.892**	**2.765.425.974**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	VI.6	**2.244**	**1.659**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**	VI.6	**2.244**	**1.659**

TP. Tân An, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thanh Nhân	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**4.426.589.494**	**3.759.766.440**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.6	1.567.190.406	1.464.230.727
- Các khoản dự phòng	03	VI.3	202.486.142	23.100.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(202.978.277)	(363.465.851)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**5.993.287.765**	**4.883.631.316**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(314.590.227)	(5.546.836.164)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(433.152.506)	(194.282.097)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(579.298.001)	(289.183.479)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(137.041.497)	(5.884.333)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.8	(790.000.000)	(927.956.826)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(705.701.785)	(497.295.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**3.033.503.749**	**(2.577.806.946)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.634.350.641)	(343.141.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		14.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		280.452.810	180.415.983
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.339.352.376)**	**(162.725.790)**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.841.808.475)	(1.841.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		**40**		**(1.841.808.475)**	**(1.841.710.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		**50**		**(147.657.102)**	**(4.582.242.736)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		**60**		**7.771.528.093**	**12.353.770.829**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		**70**		**7.623.870.991**	**7.771.528.093**

TP. Tân An, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thanh Nhàn	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô Thị Tân An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100209487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2013.

2. **Trụ sở chính** đặt tại số 8, Tỉnh lộ 827, Phường 7, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

3. **Hoạt động chính** trong năm 2016 là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, dịch vụ công ích đô thị.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán** là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá; Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao áp dụng cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 26 năm
- Máy móc thiết bị 3 – 10 năm
- Phương tiện vận tải 10 năm

6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là các khoản phải trả ngắn hạn;

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là các khoản phải trả dài hạn;

8. Quỹ tiền lương

Tỷ lệ trích lương 48,69% trên doanh thu dịch vụ công ích (doanh nghiệp đảm bảo kinh doanh không bị lỗ) theo Biên bản họp số 1051/BB-STC ngày 14/04/2016 về việc xin ý kiến chủ sở hữu để biểu quyết các vấn đề tài chính trong Đại hội cổ đông thường niên và Công văn 1372/UBND-KT ngày 21/04/2016 của UBND tỉnh Long An về việc thống nhất các vấn đề tài chính trong Đại hội cổ đông thường niên.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ công ty cũng như các quy định pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm
Tiền mặt	150.374.751		73.187.607
Tiền gửi ngân hàng	2.898.637.118		2.698.340.486
Các khoản tương đương tiền	4.574.859.122	(*)	5.000.000.000
Cộng	**7.623.870.991**		**7.771.528.093**

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng và lãi nhập gốc tại ngân Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An.

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án tỉnh Long An	188.992.000	1.638.097.000
Ban Quản lý Dự án Thành phố Tân An	785.372.300	425.500.000
Phòng quản lý đô thị Thành phố Tân An	11.619.970.000	10.475.194.000
Phòng Tài chính Kế hoạch Thành phố Tân An	112.656.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công trình Đô thị Bến Tre	1.623.002.121	1.169.725.264
Khách hàng khác	947.522.156	858.864.854
Cộng	**15.277.514.577**	**14.567.381.118**

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi Ngân hàng	-	320.904.572
Tạm ứng nhân viên	42.615.100	53.395.500
Phải thu khác	19.000.000	82.858.260
Cộng	**61.615.100**	**457.158.332**

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năn
Nguyên liệu, vật liệu	636.545.866	450.166.906
Công cụ, dụng cụ	186.364.819	164.815.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	256.793.000
Hàng hóa	624.241.956	142.225.229
Cộng	**1.447.152.641**	**1.014.000.135**

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năn
Chi phí trả trước ngắn hạn	40.696.205	75.481.000
Chi phí sửa chữa tài sản dài hạn	171.826.292	-
Cộng	**212.522.497**	**75.481.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số đầu năm	**1.183.843.005**	**13.778.404.954**	**32.770.201**	**14.995.018.160**
Tăng trong năm	***1.923.825.596***	***1.849.000.000***	***-***	***3.772.825.596***
Mua sắm	-	1.849.000.000	-	1.849.000.000
Xây dựng cơ bản	1.923.825.596	-	-	1.923.825.596
Giảm trong năm	***268.975.613***	***-***	***-***	***268.975.613***
Giảm thanh lý	268.975.613	-	-	268.975.613
Số cuối năm	**2.838.692.988**	**15.627.404.954**	**32.770.201**	**18.498.868.143**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	**420.436.358**	**6.862.245.078**	**20.073.113**	**7.302.754.549**
Khấu hao trong năm	113.462.840	1.450.450.546	3.277.020	1.567.190.406
Giảm trong năm	147.043.138	-	-	147.043.138
Số cuối năm	**386.856.060**	**8.312.695.624**	**23.350.133**	**8.722.901.817**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	**763.406.647**	**6.916.159.876**	**12.697.088**	**7.692.263.611**
Số cuối năm	**2.451.836.928**	**7.314.709.330**	**9.420.068**	**9.775.966.326**

Nguyên giá của tài sản tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.555.834.508 đồng.

7. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Hiệp	672.860.500	556.995.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông tại Tiền Giang	-	1.184.984.570
Phòng Tài chính – Kế hoạch TP. Tân An	1.664.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	529.877.497	102.305.392
Cộng	**2.866.737.997**	**1.844.284.962**

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	655.174.498	2.642.404.650	2.643.944.842	653.634.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.022.138	969.644.721	(790.000.000)	292.666.859
Cộng	**768.196.636**	**3.612.049.371**	**3.433.944.842**	**946.301.165**

9. Doanh thu chưa thực hiện: Tiền thu trước cho thuê mặt bằng hội chợ hoa xuân 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ đất nghĩa trang	74.000.000	71.000.000
Cổ tức phải trả	4.944.163.955	4.355.120.050
Cộng	**5.018.163.955**	**4.426.120.050**

11. Vốn chủ sở hữu

a/ Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**14.167.000.000**	**5.071.710.688**	**1.157.047.459**	**20.395.758.147**
Tăng trong kỳ	-	784.494.687	2.765.425.974	3.549.920.661
Giảm trong kỳ	-	-	(3.922.473.433)	(3.922.473.433)
Số dư cuối năm trước **Số dư đầu năm nay**	**14.167.000.000**	**5.856.205.375**	**-**	**20.023.205.375**
Lãi trong kỳ	-	-	3.739.772.892	3.739.772.892
Trích quỹ trong kỳ	-	747.954.578	(1.308.920.512)	(560.965.934)
Cổ tức phải trả	-	-	(2.430.852.380)	(2.430.852.380)
Số dư cuối năm nay	**14.167.000.000**	**6.604.159.953**	**-**	**20.771.159.953**

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Vốn góp của Nhà nước	60,00%	8.500.200.000	62,44%	8.845.600.000
Cổ đông khác	40,00%	5.666.800.000	37,56%	5.321.400.000
Cộng	**100,00%**	**14.167.000.000**	**100,00%**	**14.167.000.000**

c/ Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.416.700	1.416.700
+ Cổ phiếu phổ thông	1.416.700	1.416.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công công trình	3.596.661.178	5.109.571.546
Dịch vụ công ích	29.167.229.774	32.409.315.390

	Năm nay	Năm trước
Sữa chữa thường xuyên cầu đường	4.311.810.000	-
Doanh thu xăng dầu	2.886.558.841	-
Khác	2.680.065.544	6.289.376.244
Cộng	**42.642.325.337**	**43.808.263.180**

2. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.723.150.521	4.196.818.673
Chi phí vật liệu quản lý	82.428.550	121.715.199
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.200.095	84.548.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.739.860	108.508.734
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	202.486.142	23.100.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.719.862	208.317.328
Chi phí bằng tiền khác	1.542.871.485	1.297.165.976
Cộng	**5.927.596.515**	**6.043.174.732**

4. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý TSCĐ	77.474.533	-
Chênh lệch giữa giá trị quyết toán thực tế và khoản ghi nhận sổ sách của các hạng mục cây xanh và cống thoát nước	13.976.399	85.502.000
Chi phí khác	-	31.254.000
Cộng	**91.450.932**	**116.756.000**

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.709.417.613**	**3.759.766.440**
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
Các khoản điều chỉnh tăng	**1.637.187.206**	**1.335.431.291**
- Các khoản chi phí không được trừ	138.805.990	73.636.974
- Chi phí lương đã trích nhưng chưa chi hết tính đến thời điểm nộp quyết toán thuế	-	1.261.794.317
Các khoản điều chỉnh giảm	**-**	**166.874.940**
- Các khoản chi mang tính phúc lợi được trừ	-	166.874.940
Tổng thu nhập chịu thuế	**4.848.223.603**	**4.928.322.791**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh trong năm	**969.644.721**	**1.084.231.014**

	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(89.890.548)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**969.644.721**	**994.340.466**

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**3.739.772.892**	**2.765.425.974**
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	560.965.934	414.813.896
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**3.178.806.958**	**2.350.612.078**
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.416.700	1.416.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.244**	**1.659**
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**2.244**	**1.659**

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	5.573.715.702	15.875.614.397
Chi phí nhân công	21.099.318.930	19.653.673.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.567.190.406	1.464.230.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.828.421.341	1.035.873.081
Chi phí bằng tiền khác	7.843.433.694	2.566.721.970
Cộng	**37.912.080.073**	**40.596.113.844**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

2. Thông tin về các bên có liên quan

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2016 Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	716.846.491	803.354.921
Thù lao, thưởng khác	497.511.245	294.109.571
Cộng	**1.214.357.736**	**1.097.464.492**

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác: Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ công ích đô thị;

- Xây dựng công trình giao thông, công viên, hệ thống cấp thoát nước đô thị

Các chỉ tiêu	Kinh doanh xăng dầu	Dịch vụ xây dựng	Dịch vụ công ích	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần	2.886.558.841	3.596.661.178	33.479.039.774	2.680.065.544	42.642.325.337
Giá vốn	2.766.197.720	2.657.399.695	24.736.049.822	1.980.171.333	32.139.818.570
Lãi gộp	120.361.121	939.261.483	8.742.989.952	699.894.211	10.502.506.767
Năm trước					
Doanh thu thuần	-	5.109.571.546	32.409.315.390	6.289.376.244	43.808.263.180
Giá vốn	-	5.116.430.936	23.447.876.915	5.737.032.545	34.301.340.396
Lãi gộp	-	(6.859.390)	8.961.438.475	552.343.699	9.506.922.784

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên văn phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.623.870.991	-	-	-	7.623.870.991
Phải thu khách hàng	14.967.508.935	-	-	310.005.642	15.277.514.577
Phải thu ngắn hạn khác	61.615.100	-	-	-	61.615.100
Cộng	**22.652.995.026**	-	-	**310.005.642**	**22.963.000.668**
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.771.528.093	-	-	-	7.771.528.093
Phải thu khách hàng	14.544.281.118	-	-	23.100.000	14.567.381.118
Phải thu ngắn hạn khác	457.158.332	-	-	-	457.158.332
Cộng	**22.772.967.543**	-	-	**23.100.000**	**22.796.067.543**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	2.866.737.997	-	-	2.866.737.997
Các khoản phải trả khác	10.089.487.093	-	-	10.089.487.093
Cộng	**12.956.225.090**	**-**	-	**12.956.225.090**
Số đầu năm				
Phải trả người bán	1.844.284.962	-	-	1.844.284.962
Các khoản phải trả khác	5.209.709.061	-	-	5.209.709.061
Cộng	**7.053.994.023**	**-**	-	**7.053.994.023**

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do không phát sinh các khoản vay và tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định trong thời gian gửi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.623.870.991	-	7.771.528.093	-	7.623.870.991	7.771.528.093
Phải thu khách hàng	15.277.514.577	225.586.142	14.567.381.118	23.100.000	15.051.928.435	14.544.281.118
Phải thu ngắn hạn khác	61.615.100	-	457.158.332	-	61.615.100	457.158.332
Cộng	**22.957.192.560**	**225.586.142**	**22.796.067.543**	**23.100.000**	**22.731.606.418**	**22.772.967.543**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	**Số đầu năm**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Phải trả người bán	2.866.737.997	1.844.284.962	2.866.737.997	1.844.284.962
Các khoản phải trả khác	10.089.487.093	5.209.709.061	10.089.487.093	5.209.709.061
Cộng	**938.351.097**	**115.274.373**	**938.351.097**	**115.274.373**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Tân An, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Thanh Nhàn	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Nguyễn Thị Hồng Vy

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ TÂN AN

Lương Minh Nhựt